

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CƯ M'GAR
TỈNH ĐẮK LẮK**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 40/2021/DS-ST
Ngày 26 - 7 - 2021
“V/v tranh chấp hợp tín dụng”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CƯ M'GAR, TỈNH ĐẮK LẮK**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phùng Thị Nở.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Cao Thị Hồng Châu.

2. Bà H Lum Niê.

- Thư ký phiên tòa: Ông Vũ Đức Duồng – Là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cư M'gar, tỉnh Đắk Lắk.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Cư M'gar, tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa: Ông Dương Hoàng Long - Kiểm sát viên.

Ngày 26/7/2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cư M'gar, tỉnh Đắk Lắk xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 567/2020/TLST-DS ngày 25 tháng 11 năm 2020 về tranh chấp hợp đồng tín dụng theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 60/2021/QĐXXST-DS ngày 06 tháng 7 năm 2021, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng Thương mại cổ phần A.

Địa chỉ: Số 44x Nguyễn Thị Minh Kh, phường x, quận x, thành phố H.

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Vũ Thị Anh Đ – Chức vụ: Giám đốc Phòng Quản lý nợ.

Địa chỉ: Số 21x B, phường Ph, quận H, thành phố Đ.

(Theo Giấy ủy quyền số: 42x/UQ-QLN.19 ngày 26/6/20xx)

Người được ủy quyền tham gia tố tụng: Ông Nguyễn Huỳnh Hoàng S – Chức vụ: Nhân viên.

Địa chỉ: Số 4x - 4x H, thị trấn Q, huyện C, tỉnh Đ (có mặt).

(Theo giấy ủy quyền số: 101x/UQ-QLN.21 ngày 2x/x/202x).

Bị đơn: Ông Mai Văn Tr và bà Lương Thị D (vắng mặt - có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

Địa chỉ: Thôn B, xã Y, huyện Y, tỉnh N.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Bà La Thị M (vắng mặt - có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

2. Ông Lương Văn H (vắng mặt - có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

3. Ông Lương Văn V (vắng mặt - có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

Cùng địa chỉ: Buôn Th, xã K, huyện C, tỉnh Đ.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án người đại diện theo ủy quyền tham gia tố tụng cho nguyên đơn trình bày:

Ngày 25/6/2019 vợ chồng ông Mai Văn Tr và bà Lương Thị D có ký hợp đồng tín dụng số QPH.CN.1835.250619 với Ngân hàng thương mại cổ phần A vay số tiền 400.000.000 đồng; thời hạn vay: 12 tháng, từ ngày 26/6/2019 đến ngày 25/6/2020; Mục đích vay: Sản xuất kinh doanh - bổ sung vốn lưu động - Vay ngắn hạn bổ sung thêm vốn kinh doanh mua bán nông sản các loại; lãi suất theo Khế ước nhận nợ số QPH.CN.1835.250619/01 ngày 25/6/2019, lãi suất cho vay 9,70%/năm, lãi suất vay được cố định trong thời hạn 03 tháng, kể từ ngày kế tiếp ngày Bên được cấp tín dụng nhận tiền vay, lãi suất cho vay được điều chỉnh 03 tháng/lần; lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn; lãi suất phạt chậm trả lãi 10%/năm; kỳ hạn trả nợ gốc: được hoàn trả một lần vào ngày kết thúc thời hạn cho vay; trả nợ lãi: 03 tháng/lần.

Từ ngày vay cho đến ngày 31/3/2021, ông Mai Văn Tr và bà Lương Thị D chỉ trả cho Ngân hàng số tiền 8.800.000 đồng nợ gốc. Từ đó cho đến nay, ông Mai Văn Tr và bà Lương Thị D chưa trả thêm cho Ngân hàng được khoản nợ nào khác.

Tài sản đảm bảo cho khoản vay là quyền sử dụng đất và toàn bộ tài sản gắn liền trên đất tại thửa đất số 19x, tờ bản đồ số 3x, diện tích 359,xxm², địa chỉ thửa đất: buôn Th, xã K, huyện C, tỉnh Đ theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CM 2308xx do

Ủy ban nhân dân (Viết tắt là UBND) huyện C cấp ngày 0x/x/201x cho ông Lương Xuân T, bà La Thị M và thửa đất số 8x, tờ bản đồ số 2x, diện tích 6808, m^2 , địa chỉ thửa đất: buôn Th, xã K, huyện C, tỉnh Đ theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CM 2308xx do UBND huyện huyện C cấp ngày 0x/x/201x cho ông Lương Xuân T và bà La Thị M thế chấp theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất của bên thứ ba số QPH.BĐCN.212.2106xx ngày 2x/x/201x được công chứng quyền số 01/TP/CC-SCC/HĐGD tại Văn phòng Công chứng N, số 85 Ng, thị trấn Q, huyện C, tỉnh Đ ngày 2x/x/201x.

Nay Ngân hàng khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Mai Văn Tr và bà Lương Thị D trả nợ cho Ngân hàng số tiền: 479.172.064 đồng, trong đó: nợ gốc 391.200.000 đồng, lãi trong hạn 10.570.959 đồng, lãi quá hạn 68.553.133 đồng, phạt chậm trả lãi 8.847.972 đồng tính đến ngày xét xử sơ thẩm 26/7/2021, tiếp tục tính lãi phát sinh theo mức lãi suất quy định tại hợp đồng tín dụng và khế ước nhận nợ kể từ ngày 27/7/2021 đến ngày ông Mai Văn Tr và bà Lương Thị D trả xong nợ; nếu ông Mai Văn Tr và bà Lương Thị D không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ trả nợ thì tài sản bảo đảm được cơ quan có thẩm quyền xử lý để thu hồi nợ.

Tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền cho nguyên đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với yêu cầu phạt chậm trả lãi.

Bị đơn ông Mai Văn Tr và bà Lương Thị D đã được Tòa án triệu tập nhiều lần nhưng đều vắng mặt tại các buổi làm việc, phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải. Vì vậy, Tòa án không tiến hành làm việc được với ông Mai Văn Tr và bà Lương Thị D.

Tại bản tự khai, biên bản lấy lời khai, biên bản hòa giải người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà La Thị M trình bày:

Bà La Thị M là mẹ đẻ của bà Lương Thị D. Ngày 25/6/2019, ông Mai Văn Tr và bà Lương Thị D ký hợp đồng tín dụng với Ngân hàng TMCP A vay số tiền 400.000.000 đồng. Bà M và ông Lương Xuân T đã đồng ý thế chấp quyền sử dụng đất và toàn bộ tài sản gắn liền với đất để đảm bảo khoản vay của ông Tr, bà D với Ngân hàng, cụ thể: thửa đất số 19x, tờ bản đồ số 3x, diện tích 359, m^2 , địa chỉ thửa đất: buôn Th, xã K, huyện C, tỉnh Đ theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CM 2308xx do UBND huyện C cấp ngày 0x/x/20xx cho ông Lương Xuân T, bà La Thị M và thửa đất số 8x, tờ bản đồ số 2x, diện tích 6808, m^2 , địa chỉ thửa đất: buôn Th, xã K, huyện C, tỉnh Đ theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CM 2308xx do UBND huyện huyện C cấp ngày 0x/x/20xx cho ông Lương Xuân T, bà La Thị M theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất của bên thứ ba số QPH.BĐCN.212.2106xx ngày 2x/x/20xx được công chứng quyền số 0x/TP/CC-SCC/HĐGD tại Văn phòng Công chứng N, số 8x N, thị trấn Q, huyện C, tỉnh Đ ngày 2x/x/20xx.

Các tài sản nêu trên hiện nay bà M cùng các con là Lương Văn H, Lương Văn V đang quản lý, sử dụng, không có người nào khác sinh sống, canh tác và cũng không tranh chấp với ai. Ông Lương Xuân T là chồng của bà M đã chết ngày 19/9/2019, trước khi chết ông T không để lại di chúc. Hàng thừa kế thứ nhất của ông T gồm có bà M và 03 người con là Lương Văn H, Lương Văn V, Lương Thị D. Bố, mẹ của ông T đã mất từ lâu. Ông T không có con riêng hoặc nhận con nuôi nào khác. Nay, bà D và ông Tr gặp khó khăn không trả được nợ cho Ngân hàng. Vì vậy, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Tại bản tự khai, biên bản lấy lời khai, biên bản hòa giải người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Lương Văn H, ông Lương Văn V đều trình bày:

Ông Lương Văn H, ông Lương Văn V là anh trai của bà Lương Thị D. Ông H và ông V đồng ý với ý kiến trình bày của bà La Thị M. Đối với yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký, của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án:

Đối với Thẩm phán đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự nhưng còn vi phạm về thời hạn chuẩn bị xét xử. Đối với Thư ký và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Đối với người đại diện theo ủy quyền cho nguyên đơn thực hiện đúng, đầy đủ quyền và nghĩa vụ quy định tại các Điều 70, Điều 71, Điều 86 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Bị đơn ông Mai Văn Tr và bà Lương Thị D chưa thực hiện đúng quy định tại các Điều 70, Điều 72 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà La Thị M, ông Lương Văn H và ông Lương Văn V chưa thực hiện đúng, đầy đủ quyền và nghĩa vụ quy định tại các Điều 70, Điều 73 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Căn cứ vào các Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 40, Điều 244 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 463, Điều 464, Điều 466, Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 91, Điều 95 của Luật Tổ chức tín dụng năm 2010.

Chấp nhận đơn khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng thương mại cổ phần A.

Buộc ông Mai Văn Tr và bà Lương Thị D phải trả cho Ngân hàng số tiền nợ gốc

391.200.000 đồng và lãi suất phát sinh quy định tại Hợp đồng tín dụng và Khế ước nhận nợ. Nếu ông Mai Văn Tr và bà Lương Thị D không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ trả nợ thì sẽ xử lý tài sản bảo đảm.

Về án phí: Ông Mai Văn Tr và bà Lương Thị D có nghĩa vụ chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Về thẩm quyền và quan hệ pháp luật: Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết về Tranh chấp hợp đồng tín dụng. Bị đơn ông Mai Văn Tr và bà Lương Thị D tại thời điểm ký hợp đồng tín dụng có đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở tại buôn Th, xã K, huyện C, tỉnh Đ và tài sản thế chấp đều tại buôn Th, xã K, huyện C, tỉnh Đ nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân cấp huyện được quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về sự vắng mặt của đương sự: Bị đơn ông Mai Văn Tr và bà Lương Thị D và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà La Thị M, ông Lương Văn V, ông Lương Văn H có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Vì vậy, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt của những người này theo quy định tại khoản 1 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về số nợ: Ngày 25/6/2019 ông Mai Văn Tr và bà Lương Thị D có ký hợp đồng tín dụng số QPH.CN.1835.2506xx với Ngân hàng thương mại cổ phần A vay số tiền 400.000.000 đồng; thời hạn vay: 12 tháng; Mục đích vay: Sản xuất kinh doanh - bổ sung vốn lưu động - Vay ngắn hạn bổ sung thêm vốn kinh doanh mua bán nông sản các loại; lãi suất theo Khế ước nhận nợ số QPH.CN.1835.250619/01 ngày 25/6/2019, lãi suất cho vay 9,70%/năm, lãi suất vay được cố định trong thời hạn 03 tháng, kể từ ngày kế tiếp ngày bên được cấp tín dụng nhận tiền vay, lãi suất cho vay được điều chỉnh 03 tháng/lần; lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn; lãi suất phạt chậm trả lãi 10%/năm; kỳ hạn trả nợ gốc: được hoàn trả một lần vào ngày kết thúc thời hạn cho vay; trả nợ lãi: sau 03 tháng/lần. Trong quá trình thực hiện hợp đồng, ngày 31/3/2021 ông Mai Văn Tr và bà Lương Thị D chỉ trả cho Ngân hàng số tiền 8.800.000 đồng nợ gốc. Từ đó cho đến nay, ông Mai Văn Tr và bà Lương Thị D

chưa trả thêm cho Ngân hàng được khoản nợ nào khác mặc dù Ngân hàng đã nhiều lần làm việc với ông Mai Văn Tr và bà Lương Thị D và thông báo yêu cầu trả nợ.

Xét Hợp đồng tín dụng giữa Ngân hàng với ông Mai Văn Tr và bà Lương Thị D được giao kết hợp pháp nên phát sinh hiệu lực. Quá trình thực hiện hợp đồng, ông Mai Văn Tr và bà Lương Thị D đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán nợ. Vì vậy, yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng thương mại cổ phần A buộc ông Mai Văn Tr và bà Lương Thị D trả nợ số tiền: 470.324.092 đồng, trong đó: nợ gốc 391.200.000 đồng, lãi trong hạn 10.570.959 đồng, lãi quá hạn 68.553.133 đồng tính đến ngày xét xử sơ thẩm 26/7/2021, tiếp tục tính lãi phát sinh theo mức lãi suất quy định tại hợp đồng tín dụng và khế ước nhận nợ kể từ ngày 27/7/2021 đến ngày ông Mai Văn Tr và bà Lương Thị D trả xong nợ **là có căn cứ chấp nhận.**

[2.2] Đối với yêu cầu xử lý tài sản thế chấp theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất của bên thứ ba số QPH.BĐCN.212.2106xx ngày 2x/x/20xx giữa Ngân hàng với bà La Thị M và ông Lương Xuân T, tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất và toàn bộ tài sản gắn liền trên đất tại thửa đất số 19x, tờ bản đồ số 3x, diện tích 359,xxm², địa chỉ thửa đất: buôn Th, xã K, huyện C, tỉnh Đ theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CM 2308xx do UBND huyện C cấp ngày 0x/x/20xx cho ông Lương Xuân T, bà La Thị M và thửa đất số 8x, tờ bản đồ số 2x, diện tích 6808,xxm², địa chỉ thửa đất: buôn Th, xã K, huyện C, tỉnh Đ theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CM 2308xx do UBND huyện huyện C cấp ngày 0x/x/20xx cho ông Lương Xuân T và bà La Thị M đã được đăng ký giao dịch bảo đảm tại cơ quan có thẩm quyền, hợp đồng được công chứng đúng quy định của pháp luật nên hợp đồng thế chấp là hợp pháp. Do đó, yêu cầu xử lý tài sản thế chấp của Ngân hàng để thu hồi nợ là có căn cứ chấp nhận.

[2.3] Sau khi ông Mai Văn Tr và bà Lương Thị D trả nợ xong cho Ngân hàng thì Ngân hàng có trách nhiệm trả lại cho bà La Thị M Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CM 2308xx do UBND huyện C cấp ngày 0x/x/20xx cho ông Lương Xuân T, bà La Thị M đối với thửa đất số 19x, tờ bản đồ số 3x, diện tích 359,xxm², địa chỉ thửa đất: buôn Th, xã K, huyện C, tỉnh Đ và Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CM 2308xx do UBND huyện huyện C cấp ngày 0x/x/20xx cho ông Lương Xuân T, bà La Thị M đối với thửa đất số 8x, tờ bản đồ số 2x, diện tích 6808,xxm², địa chỉ thửa đất: buôn Th, xã K, huyện C, tỉnh Đ.

[3] Tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền cho nguyên đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với yêu cầu phạt chậm trả lãi là tự nguyện đúng theo quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về án phí và chi phí tố tụng khác:

Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn ông

Mai Văn Tr và bà Lương Thị D phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Cụ thể: 20.000.000 đồng + 4% x (470.324.092 đồng - 400.000.000 đồng) = 22.813.000 đồng (đã làm tròn số).

Nguyên đơn Ngân hàng thương mại cổ phần Á Châu không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm và được trả lại tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ: Do yêu cầu xem xét thẩm định tại chỗ của nguyên đơn là có căn cứ nên bị đơn ông Mai Văn Tr và bà Lương Thị D phải chịu 1.500.000 đồng tiền chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ. Ngân hàng được nhận lại 1.500.000 đồng tiền tạm ứng chi phí xem xét thẩm định tại chỗ khi thu được từ ông Mai Văn Tr và bà Lương Thị D.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 144; Điều 147; Điều 157; Điều 158; điểm b khoản 2 Điều 227; Điều 271; Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Áp dụng khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Áp dụng các Điều 463, Điều 466, Điều 468 của Bộ luật dân sự; các Điều 91, Điều 95 của Luật các tổ chức tín dụng.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương mại cổ phần A.

Buộc ông Mai Văn Tr và bà Lương Thị D có nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng thương mại cổ phần A số tiền 470.324.092 đồng, trong đó: nợ gốc 391.200.000 đồng, lãi trong hạn 10.570.959 đồng, lãi quá hạn 68.553.133 đồng tính đến ngày xét xử sơ thẩm 26/7/2021.

Ông Mai Văn Tr và bà Lương Thị D tiếp tục chịu lãi phát sinh kể từ ngày 27/7/2021 theo Hợp đồng tín dụng số QPH.CN.1835.2506xx ngày 2x/x/20xx và Khế ước nhận nợ số QPH.CN.1835.25061x/0x ngày 25/6/20xx cho đến khi trả xong nợ.

Sau khi ông Mai Văn Tr và bà Lương Thị D trả xong nợ thì Ngân hàng có trách nhiệm trả lại cho bà La Thị M Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CM 2308xx do UBND huyện C cấp ngày 0x/x/20xx cho ông Lương Xuân T, bà La Thị M đối với

thửa đất số 19x, tờ bản đồ số 3x, diện tích 359, m^2 , địa chỉ thửa đất: buôn Th, xã K, huyện C, tỉnh Đ và Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CM 2308xx do UBND huyện C cấp ngày 0x/x/20xx cho ông Lương Xuân T và bà La Thị M đối với thửa đất số 8x, tờ bản đồ số 2x, diện tích 6808, m^2 , địa chỉ thửa đất: buôn Th, xã K, huyện C, tỉnh Đ.

Trường hợp ông Mai Văn Tr và bà Lương Thị D không trả nợ hoặc trả nợ không đầy đủ cho Ngân hàng thì Ngân hàng có quyền yêu cầu xử lý tài sản thế chấp theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất của bên thứ ba số QPH.BĐCN.212.2106xx ngày 2x/x/20xx giữa Ngân hàng với bà La Thị M và ông Lương Xuân T, tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất và toàn bộ tài sản gắn liền trên đất tại thửa đất số 19x, tờ bản đồ số 3x, diện tích 359, m^2 , địa chỉ thửa đất: buôn Th, xã K, huyện C, tỉnh Đ theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CM 2308xx do UBND huyện C cấp ngày 0x/x/20xx cho ông Lương Xuân T, bà La Thị M và thửa đất số 8x, tờ bản đồ số 2x, diện tích 6808, m^2 , địa chỉ thửa đất: buôn Th, xã K, huyện C, tỉnh Đ theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CM 2308xx do UBND huyện huyện C cấp ngày 0x/x/20xx cho ông Lương Xuân T và bà La Thị M để thu hồi nợ.

2. Về án phí và chi phí tố tụng khác:

Về án phí: Ông Mai Văn Tr và bà Lương Thị D phải chịu 22.813.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Ngân hàng thương mại cổ phần A được nhận lại số tiền 10.528.000 đồng đã nộp tạm ứng án phí tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Cư M'gar, tỉnh Đắk Lắk theo biên lai thu số AA/2019/0016469 ngày 23/11/2020.

Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ: Ông Mai Văn Tr và bà Lương Thị D phải chịu 1.500.000 đồng chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ. Ngân hàng được nhận lại 1.500.000 đồng tiền tạm ứng chi phí xem xét thẩm định tại chỗ khi thu được từ ông Mai Văn Tr và bà Lương Thị D.

Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày niêm yết bản án hợp lệ.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND huyện Cư M'gar;
- Chi cục THADS huyện Cư M'gar;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Phùng Thị Nở